

Bản án số: 36/2024/DS-ST  
Ngày: 27-8-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2024/ TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXX- ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1958 “có mặt”

Trú tại: Thôn X, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Ông Lê Đình V, sinh năm 1959 “có mặt”

Trú tại: Thôn X, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông B trình bày:

Do có có quen biết nên ngày 10/06/2021 âm lịch ông có cho ông Lê Đình V vay số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy tiền và hẹn đến ngày 10/10/2021 âm lịch trả nợ nhưng không có lãi suất. Đến ngày thanh toán ông đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V không thanh toán cho ông. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V phải trả số tiền nợ gốc cho là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai bị đơn ông V trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B vì ông không nợ tiền của ông B. Giấy vay tiền ngày 10/6/2021 ông B xuất trình cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết của tôi trong giấy vay này. Do ông không không vay tiền nên ông không có trách nhiệm phải trả nợ cho ông V.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V có nộp 01 đơn đề nghị. Theo nội dung đơn thể hiện: vào tháng 11/202, chị Lê Thị N là em gái ông có ông nhờ vay hộ 25.000.000 đồng. Ông có hỏi ông B để vay tiền nhưng ông B trả lời không có nhưng ông B nói để gọi điện cho bà Lê Thị T cùng địa chỉ hỏi vay tiền thì bà T nói là có tiền. Khi bà T và chị N giao dịch vay tiền thì ông và ông B không có mặt. Số tiền vay của bà T, chị N đã trả, ông B lợi dụng lúc đông người mua hàng đã đưa giấy tờ bảo ông ký vào. Ông cho rằng số nợ trên là của chị N với bà T không chứ không phải của ông với ông B, đồng thời ông có đơn đề nghị giám định chữ ký của ông trong giấy vay tiền.

Ngày 05/3/2024 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định đến Phòng K Công an tỉnh T để giám định chữ ký của ông V trong giấy vay tiền ngày 10/6/2021.

Tại công văn số 137/CV-PC09 ngày 20/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T từ chối giám định với lý do: không đủ năng lực cho việc giám định.

Ngày 15/4/2024, ông V tiếp tục có đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký của ông trong giấy vay tiền đến V1 Bộ C và giao nộp các tài liệu chứng cứ cho việc giám định. Ngày 20/5/2024, Tòa án thành phố Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định đến V1 Bộ C.

Tại bản kết luận giám định số 190/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của V1 Bộ C kết luận: Chữ ký “Văn”, các chữ “Lê Đình V” trong giấy vay tiền ngày 10/6/2021 và chữ ký, chữ viết Lê Đình V trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

#### **Tại phiên tòa:**

- Ông B, ông V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bà Lê Thị T và chị Lê Thị N tuy không được triệu tập nhưng đến tham dự phiên tòa và xuất trình cho Tòa án 01 giấy vay tiền ngày 10/11/2021 (bản pho to), nội dung giấy vay tiền: vào ngày 10/11/2021, ông B có gọi điện cho bà T đem tiền đến cho chị N vay 25.000.000 đồng. Bà nói với ông B là nếu chị N không trả thì ông B phải có trách nhiệm đòi lại tiền cho bà thì ông B nói nếu bà N không trả được thì ông V là anh trai phải trả, chị N đã thanh toán số tiền trên cho bà.

Ông B khẳng định không có sự việc trên như bà T và chị N trình bày và khẳng định số tiền ông V nợ là tiền của ông không liên quan đến khoản vay của chị N và bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó Tòa án thành phố T giải quyết là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

- Đối với yêu cầu về số nợ gốc: Ngày 10/6/2021 âm lịch, ông Nguyễn Ngọc B cho ông Lê Đình V vay số tiền 25.000.000 đồng, có viết giấy vay nợ với nhau và hẹn đến ngày 10/10/2021 âm lịch trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông V khai không vay tiền của ông B và cho rằng chữ ký của ông trong giấy vay tiền là giả mạo, đồng thời đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông và gửi các mẫu tài liệu giám định so sánh kèm theo. Tại kết luận giám định thể hiện chữ ký “Văn”, các chữ “Lê Đình V” trong giấy vay tiền ngày 10/6/2021 và chữ ký, chữ viết Lê Đình V trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, việc ông V khai cho rằng không phải chữ ký của ông trong giấy vay tiền là không có cơ sở.

Tại đơn đề nghị ông V cho rằng số tiền nợ trên là của chị Lê Thị N là em gái ông có nhờ ông hỏi vay hộ ông B nhưng ông B không có tiền nên ông B đã hỏi bà Lê Thị T để cho chị N vay tiền, số tiền trên chị N đã trả cho bà T. Như vậy, tại đơn đề nghị cũng đã thể hiện việc khi ông B hỏi bà T để cho chị N vay tiền thì ông V biết sự việc, mặt khác tại giấy vay tiền của chị N với bà T thì thời điểm vay là ngày 10/11/2021, còn giấy vay tiền của ông B và ông V vào ngày 10/6/2021 âm lịch (ngày 19/7/2021 dương lịch) là không trùng thời điểm vay với nhau.

Việc ông V cho rằng số nợ trên của ông với ông B là của chị N với bà T nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc liên quan đến số nợ trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó khẳng định giấy vay tiền ngày 10/6/2021 của ông V đối với ông B là hợp pháp. Đến thời hạn thanh toán, do ông V không thanh toán cho ông B là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông B yêu cầu

buộc ông **V** phải thanh toán số tiền nợ gốc 25.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu về số nợ lãi: Tại giấy vay nợ cũng như quá trình giải quyết ông **B** không yêu cầu ông **V** phải trả lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Ông **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.250.000 đồng nhưng ông là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH14 thì ông thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, do vậy ông không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông **B** là người cao tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự  
Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Ngọc B**

Buộc ông **Lê Đình V** phải trả cho ông **Nguyễn Ngọc B** số tiền gốc 25.000.000đ (hai lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông **B** có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông **V** không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

*Về án phí*: Ông **V** là người cao tuổi nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông **B**, ông **V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA TP Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Thủy**